



..... iLantern
LIGHTING

iLantern | DECORATIVE LIGHT
CATALOGUE

Điện thoại : +84.28 22534101 [+84.28 22534102]

Email : INFO@LK-TECH.COM

Trung tâm trải nghiệm ánh sáng : Số 24 – đường 68 , Phường Thạnh Mỹ Lợi , TP Thủ Đức

Hà Nội : Căn 606 , Tòa 17 T1 , Khu Đô Thị Trung Hòa Nhân Chính, Phố Hoàng Đạo Thúy , Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Đà Nẵng : 241/6 Bế Văn Đàn , Phường Hoà Khê , Quận Thanh Khê , TP. Đà Nẵng

Campuchia : Metz Camp #16B , Street 320 , Boeung Keng Kong 3 , Khan Chamkamorn, Phnom Penh 12304

Tel : +84.28 22534101 [+84.28 22534102]

Email : INFO@LK-TECH.COM

Lighting experience center : No.24 – 68 streets , Thanh My Loi Ward , Thu Duc city

Ha Noi : Apartment 606 , Building 17 T1 , Trung Hoa Nhan Chinh Urban Area , Hoang Dao Thuy Street , Cau Giay District , Ha Noi city

Da Nang : 241/6 Be Van Dan street , Hoa Khe Ward , Da Nang city

Campuchia : Metz Camp #16B , Street 320 , Boeung Keng , Kong 3 , Khan Chamkamorn , Phnom Penh 12304



iL-W01



iL-W02



iL-W03



iL-W04



iL-W21



iL-W22



iL-W23



iL-W24



iL-W05



iL-W06



iL-W07



iL-W08



iL-W25



iL-W26



iL-W27



iL-W28



iL-W09



iL-W10



iL-W11



iL-W12



iL-W29



iL-W30



iL-W31



iL-W32



iL-W13



iL-W14



iL-W15



iL-W16



iL-W33



iL-W34



iL-W35



iL-W36



iL-W17



iL-W18



iL-W19



iL-W20



iL-W37



iL-W38



iL-W39



iL-M01

* The product's specification can be customize upon request and final specification can be provide only after we finalize sample
* Thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể tùy chỉnh theo yêu cầu và thông số cuối cùng sẽ được cập nhật sau khi chúng tôi hoàn thiện mẫu

* The product's specification can be customize upon request and final specification can be provide only after we finalize sample
* Thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể tùy chỉnh theo yêu cầu và thông số cuối cùng sẽ được cập nhật sau khi chúng tôi hoàn thiện mẫu



iL-PE01



iL-PE02



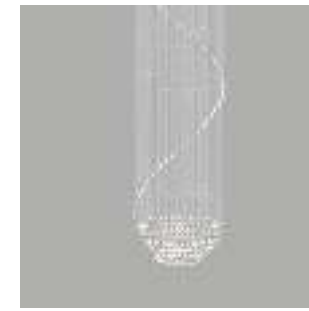
iL-PE03



iL-PE04



iL-CH01



iL-CH02



iL-CH03



iL-CH04



iL-PE05



iL-PE06



iL-PE07



iL-PE08



iL-CH05



iL-CH06



iL-CH07



iL-CH08



iL-PE09



iL-PE10



iL-PE11



iL-PE12



iL-CH09



iL-CH10



iL-CH11



iL-CH12



iL-PE13



iL-PE14



iL-PE15



iL-PE16



iL-CH13



iL-CH14



iL-CH15



iL-CH16



iL-PE17



iL-PE18



iL-PE19



iL-PE20



iL-CH17



iL-CH18



iL-CH19



iL-CH20

* The product's specification can be customize upon request and final specification can be provide only after we finalize sample
* Thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể tùy chỉnh theo yêu cầu và thông số cuối cùng sẽ được cập nhật sau khi chúng tôi hoàn thiện mẫu

* The product's specification can be customize upon request and final specification can be provide only after we finalize sample
* Thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể tùy chỉnh theo yêu cầu và thông số cuối cùng sẽ được cập nhật sau khi chúng tôi hoàn thiện mẫu



iL-T01



iL-T02



iL-T03



iL-T04



iL-B01



iL-B02



iL-B03



iL-B04



iL-T05



iL-T06



iL-T07



iL-T08



iL-B05



iL-B06



iL-B07



iL-B08



iL-L01



iL-L02



iL-F01



iL-F02



iL-B09



iL-B10



iL-B11



iL-B12



iL-F03



iL-F04



iL-F05



iL-F06



iL-B13



iL-B14



iL-B15



iL-B16



iL-F07



iL-F08



iL-F09



iL-F10



iL-P01



iL-P02



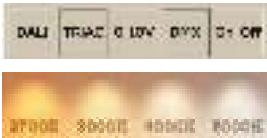
iL-P03



iL-P04

* The product's specification can be customize upon request and final specification can be provide only after we finalize sample
* Thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể tùy chỉnh theo yêu cầu và thông số cuối cùng sẽ được cập nhật sau khi chúng tôi hoàn thiện mẫu

* The product's specification can be customize upon request and final specification can be provide only after we finalize sample
* Thông số kỹ thuật của sản phẩm có thể tùy chỉnh theo yêu cầu và thông số cuối cùng sẽ được cập nhật sau khi chúng tôi hoàn thiện mẫu



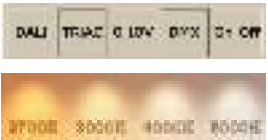
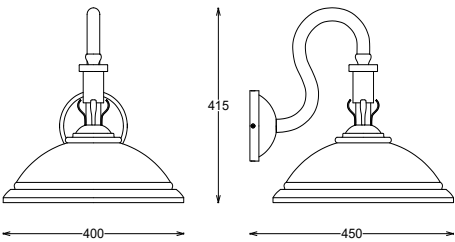
iL - W01

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L450 x W400 x H415 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	960Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	>50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



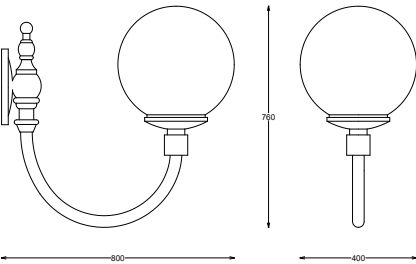
iL-W02

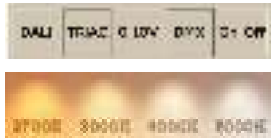
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L800 x W400 x H760 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	960Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	>50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65





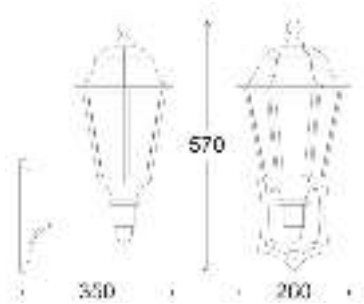
iL-W03

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L350 x W260 x H570 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	8W
Lumen source Quang thông LED	1104Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



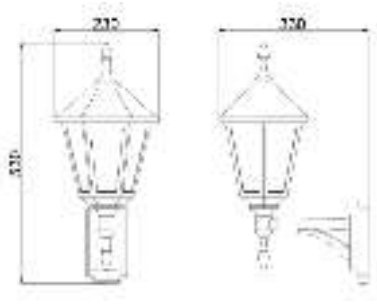
iL-W05

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L330 x W230 x H530 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Wide
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP54



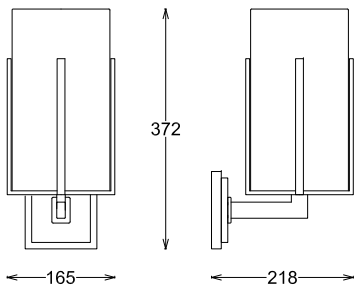
iL-W04

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L218 x W165 x H372 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W
Lumen source Quang thông LED	470Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



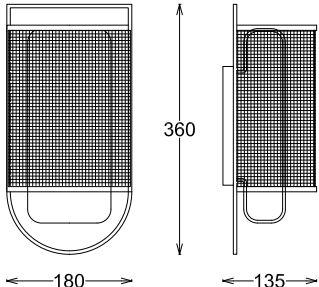
iL-W06

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L180 x W135 x H360 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	2.6W x 2
Lumen source Quang thông LED	300Lm x 2
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





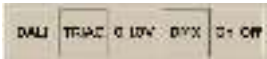
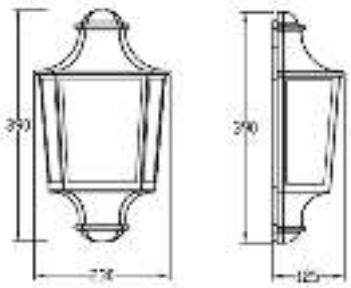
iL-W07

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L230 x W125 x H390 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Wide
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP54



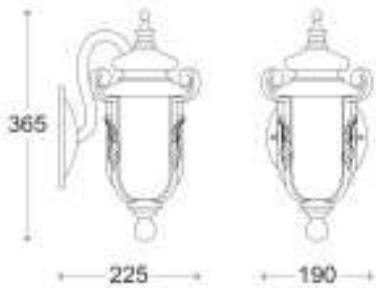
iL-W09

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L225 x W190 x H365 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6W
Lumen source Quang thông LED	768Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



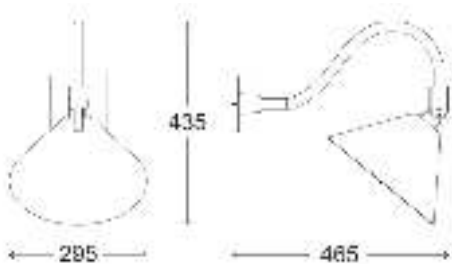
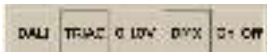
iL-W08

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L465 x W295 x H435 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6W
Lumen source Quang thông LED	828Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



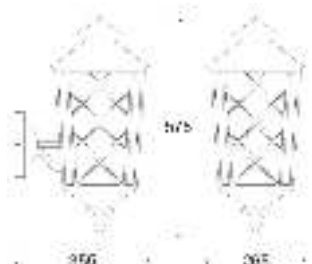
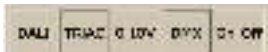
iL-W10

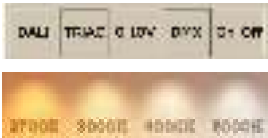
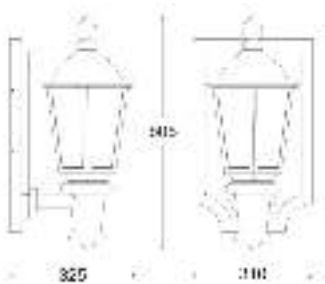
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L355 x W265 x H575 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	12W
Lumen source Quang thông LED	1596Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65





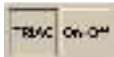
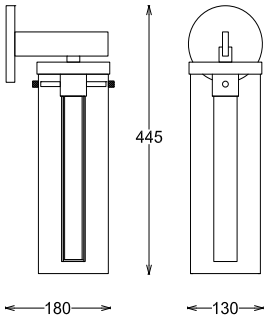
iL-W11

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L325 x W310 x H605 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	8W
Lumen source Quang thông LED	1064Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



iL-W13

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L180 x W130 x H445 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W
Lumen source Quang thông LED	400Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2200/2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20

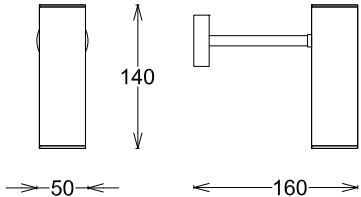
iL-W12

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L160 x W50 x H140 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7.2W
Lumen source Quang thông LED	700Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	10° / 24° / 36° / 60°
Life Time Tuổi thọ	40.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



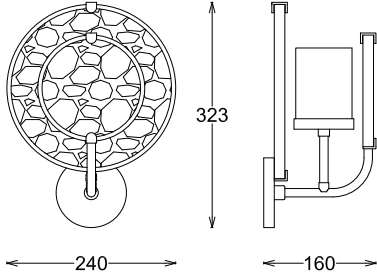
iL-W14

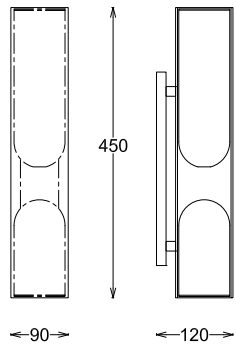
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L240 x W160 x H323 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3W
Lumen source Quang thông LED	320Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





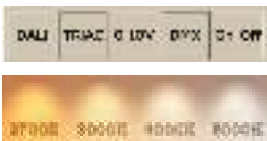
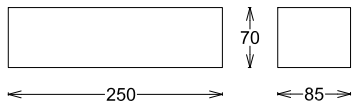
iL-W15

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L120 x W90 x H450 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3W x 2
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Wide
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	300mA (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



iL-W17

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L250 x W85 x H70 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W
Lumen source Quang thông LED	540Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20

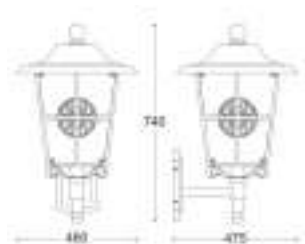
iL-W16

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L475 x W460 x H740 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	10W
Lumen source Quang thông LED	1380Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



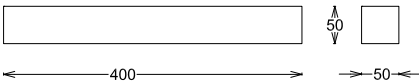
iL-W18

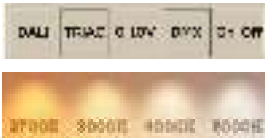
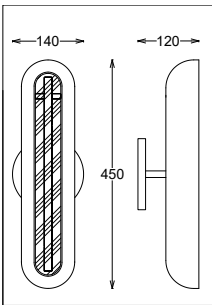
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L400 x W50 x H50 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6W
Lumen source Quang thông LED	810Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





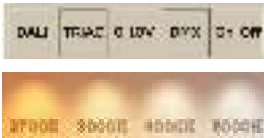
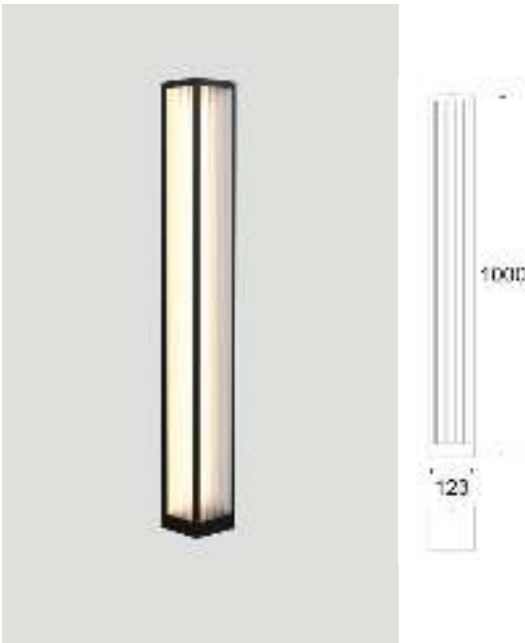
iL-W19

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L140 x W120 x H450 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6W
Lumen source Quang thông LED	810Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



iL-W23

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L123 x W123 x H1000 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	12W
Lumen source Quang thông LED	1656Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65

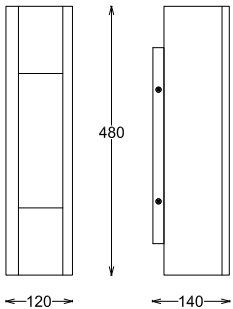
iL-W20

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L140 x W120 x H480 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3W x 2
Lumen source Quang thông LED	320Lm x 2
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Wide
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



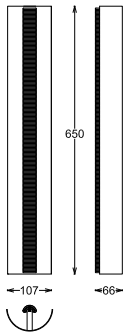
iL-W24

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

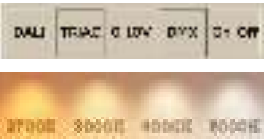
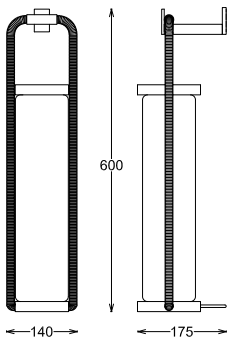
Dimension | Kích thước L107 x W66 x H650 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6W
Lumen source Quang thông LED	432-504Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2200/2400/2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	90
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20







iL-W21

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L140 x W175 x H600 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3.3W
Lumen source Quang thông LED	300Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	300mA (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP44

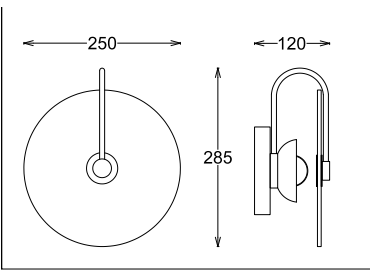
iL-W25

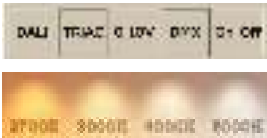
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L250 x W120 x H285 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	2.6W / 3W
Lumen source Quang thông LED	300Lm / 320Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





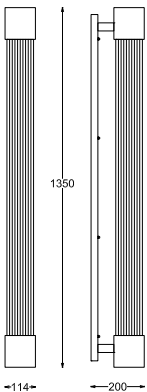
iL-W22

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L200 x W114 x H1350 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	27W
Lumen source Quang thông LED	3726Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP54



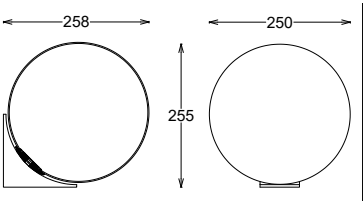
iL-W28

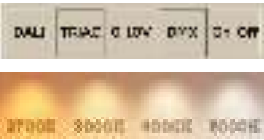
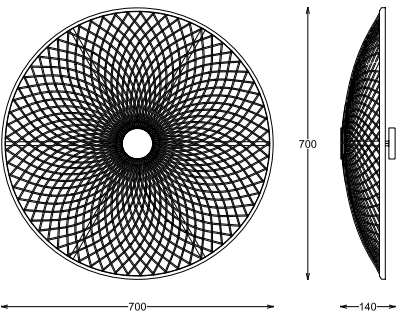
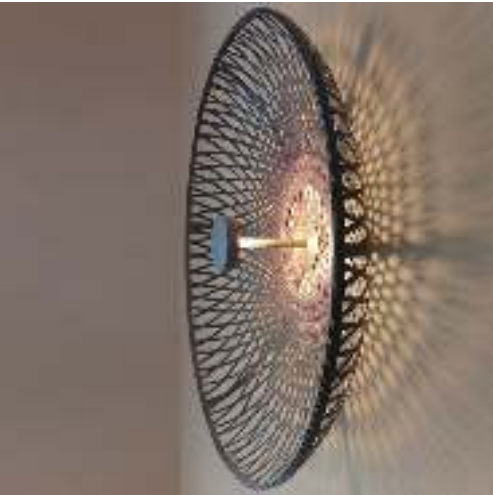
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L250 x W258 x H255 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W
Lumen source Quang thông LED	250Lm - 470Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





iL-W26

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	D700 x H140 mm
	D400 x H80 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3W
Lumen source Quang thông LED	300Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Wide
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20

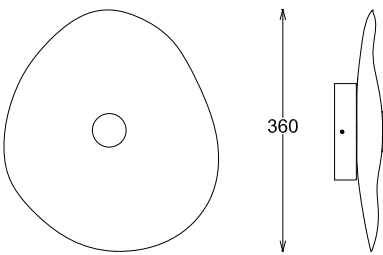
iL-W27

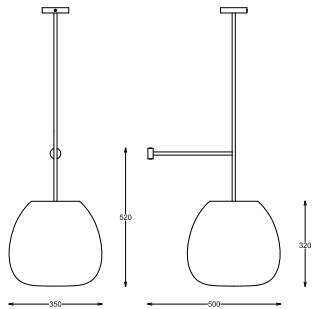
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	D360 mm
------------------------	---------

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3W
Lumen source Quang thông LED	300Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





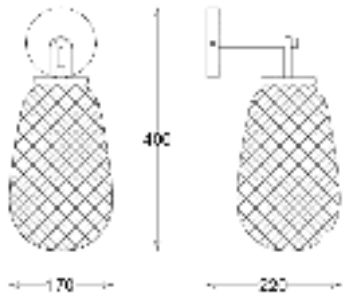
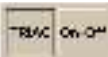
iL-W29

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L500 x W350 x H520 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



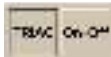
iL-W31

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L170 x W220 x H400 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



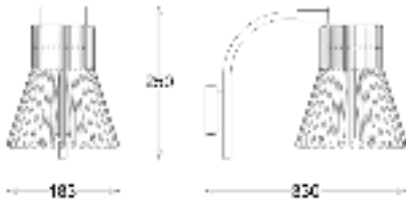
iL-W30

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L330 x W183 x H250 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



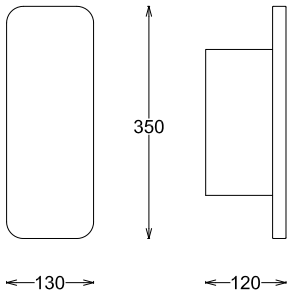
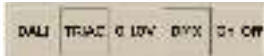
iL-W32

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

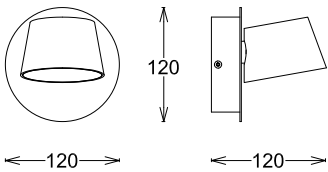
Dimension | Kích thước L130 x W120 x H350 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4.5W x 2
Lumen source Quang thông LED	280Lm x 2
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	33° up & down
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65







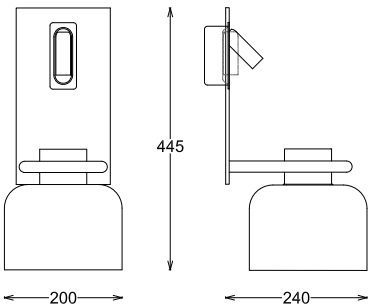
iL-W35

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L120 x W120 x H120 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3W
Lumen source Quang thông LED	300Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



iL-W33

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L240 x W200 x H445 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W & 1W
Lumen source Quang thông LED	300Lm & 90Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2000/2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	30.000h
Voltage Điện áp	220 & 12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20

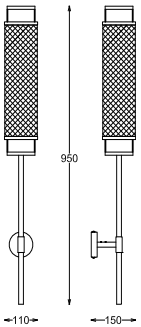
iL-W36

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L110 x W150 x H950 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6W
Lumen source Quang thông LED	450Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



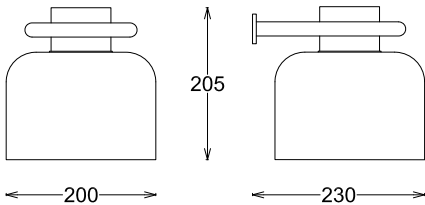
iL-W34

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

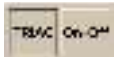
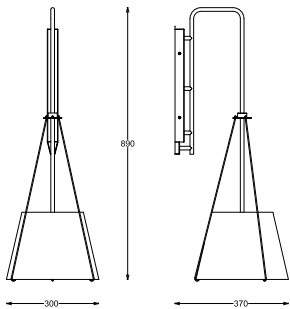
Dimension | Kích thước L230 x W200 x H205 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W
Lumen source Quang thông LED	300Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2000/2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	30.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20







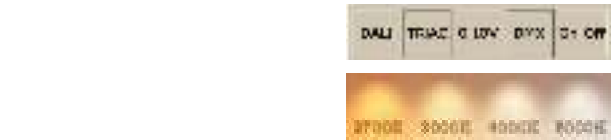
iL-W37

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L300 x W370 x H890 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



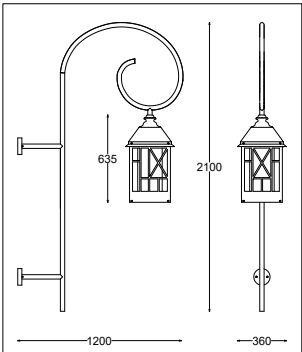
iL-W38

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

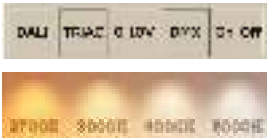
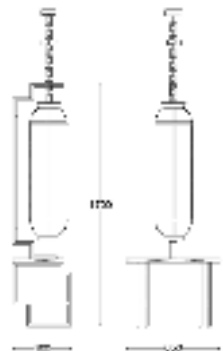
Dimension | Kích thước L1200 x W360 x H2100 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	35W & 7W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65







iL-W39

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L650 x W400 x H1700 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	42W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20

iL-PE01

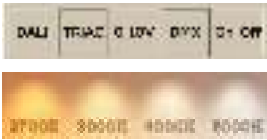
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D150 x H423 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





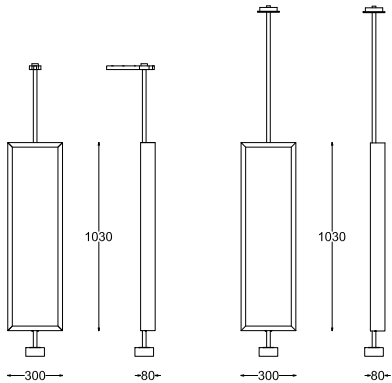
iL-W40

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L300 x W80 x H1030 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	52W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	12 - 24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



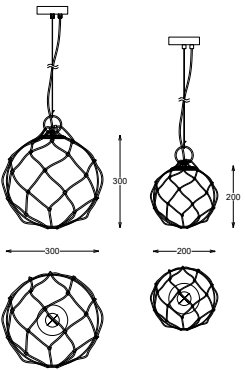
iL-PE02

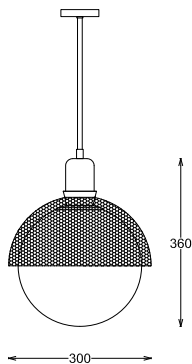
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D300 & D200 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W & 4W
Lumen source Quang thông LED	806Lm & 470Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





iL-PE03

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D300 x H360 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



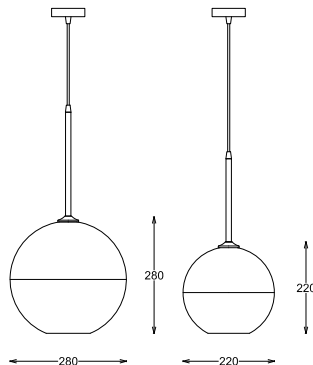
iL-PE04

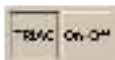
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D280 & D220 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6W
Lumen source Quang thông LED	600Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Wide
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





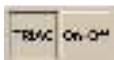
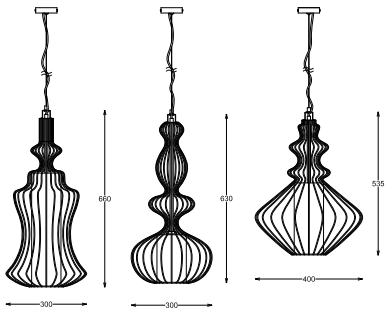
iL-PE05

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	D300 x H630-H660 mm D400 x H535 mm
------------------------	---------------------------------------

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



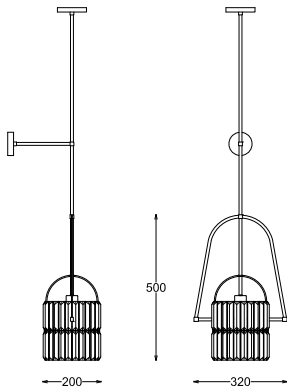
iL-PE07

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	L320 x W200 x H500 mm
------------------------	-----------------------

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



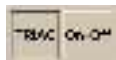
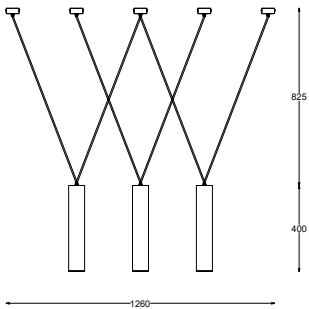
iL-PE06

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	L1260 x W75 x H1225 mm
------------------------	------------------------

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6.5W x 3
Lumen source Quang thông LED	500Lm x 3
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	90
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	10°/24°/36°/60°
Life Time Tuổi thọ	40.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



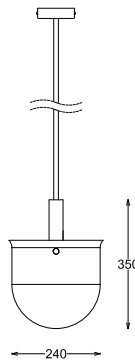
iL-PE08

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	D240 x H350 mm
------------------------	----------------

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





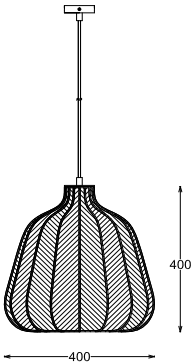
iL-PE09

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D400 x H400 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



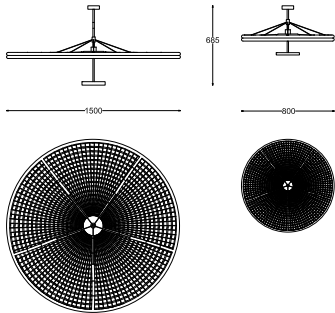
iL-PE11

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D1500 x H685 mm
D800 x H425 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	9W & 3W
Lumen source Quang thông LED	900Lm & 300Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Wide
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



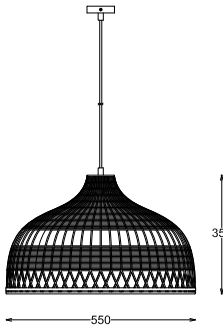
iL-PE10

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D550 x H350 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



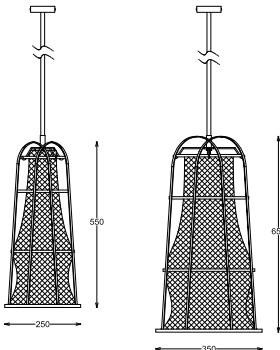
iL-PE12

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D250 x H550 mm
D350 x H650 mm

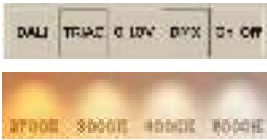
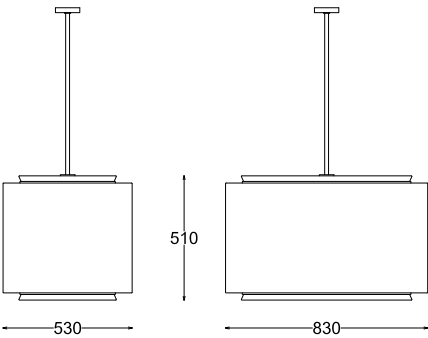
SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6.5W
Lumen source Quang thông LED	500Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	90
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	60°
Life Time Tuổi thọ	40.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20









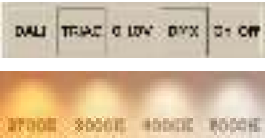
iL-PE13

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	D530 x H510 mm
	D830 x H510 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	25W & 7W
Lumen source Quang thông LED	1500Lm & 700Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse & 24°
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	12 & 24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



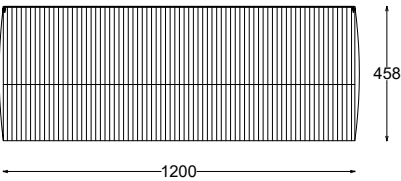
iL-PE14

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	D1200 x H458 mm
------------------------	-----------------

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	65W
Lumen source Quang thông LED	8512Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20







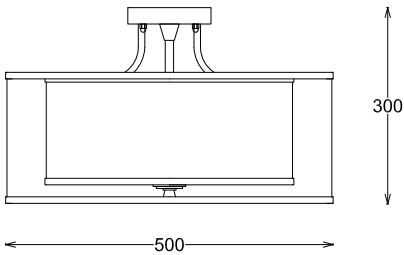
iL-PE15

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D500 x H300 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W x 3
Lumen source Quang thông LED	806Lm x 3
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



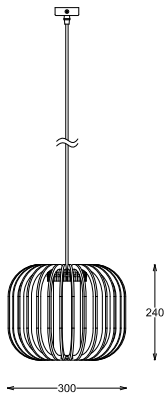
iL-PE18

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D300 x H240 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



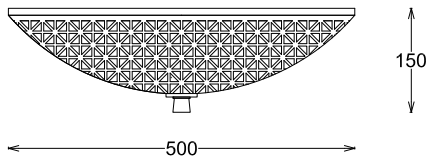
iL-PE16

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D500 x H150 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W x 3
Lumen source Quang thông LED	806Lm x 3
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



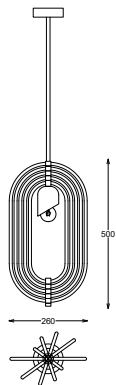
iL-PE17

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L260 x W100 x H500 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





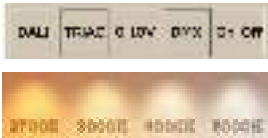
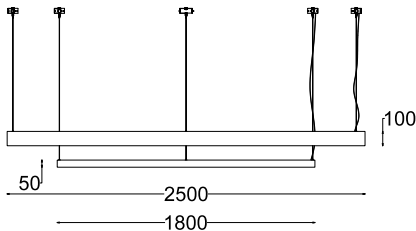
AL CITY





THE GLOBAL CITY





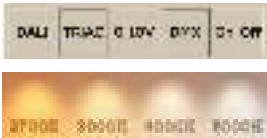
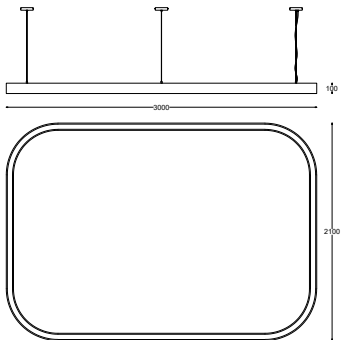
iL-PE19a

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước
D2500 x H100 mm
D1800 x H50 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source | Công suất LED 300W & 112W
Lumen source | Quang thông LED 135Lm/W
Colour temperature | Nhiệt độ màu 2700/3000/4000K
CRI | Chỉ số hoàn màu >80
SDCM | Bước MacAdam ≤3
Beam angle | Góc chiếu Diffuse
Life Time | Tuổi thọ 50.000h
Voltage | Điện áp 24VDC (Remote driver)
Frequency Range | Tần số 50/60Hz
Protection Grade | Độ bảo vệ IP20



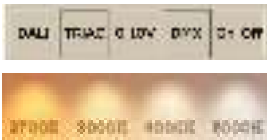
iL-PE19c

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước
L3000 x W2100 x H100 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source | Công suất LED 112W
Lumen source | Quang thông LED 135Lm/W
Colour temperature | Nhiệt độ màu 2700/3000/4000K
CRI | Chỉ số hoàn màu >80
SDCM | Bước MacAdam ≤3
Beam angle | Góc chiếu Diffuse
Life Time | Tuổi thọ 50.000h
Voltage | Điện áp 24VDC (Remote driver)
Frequency Range | Tần số 50/60Hz
Protection Grade | Độ bảo vệ IP20



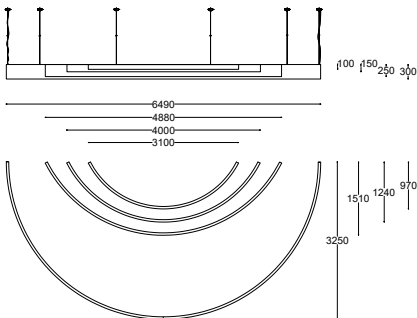
iL-PE19b

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước
Lmax 3250 x Wmax 3250 x Hmax 300 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source | Công suất LED 290W / 170W / 140W / 110W
Lumen source | Quang thông LED 135Lm/W
Colour temperature | Nhiệt độ màu 2700/3000/4000K
CRI | Chỉ số hoàn màu >80
SDCM | Bước MacAdam ≤3
Beam angle | Góc chiếu Diffuse
Life Time | Tuổi thọ 50.000h
Voltage | Điện áp 24VDC (Remote driver)
Frequency Range | Tần số 50/60Hz
Protection Grade | Độ bảo vệ IP20



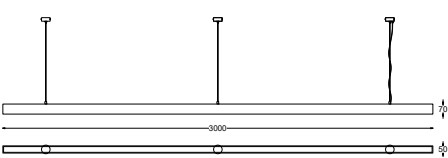
iL-PE20a

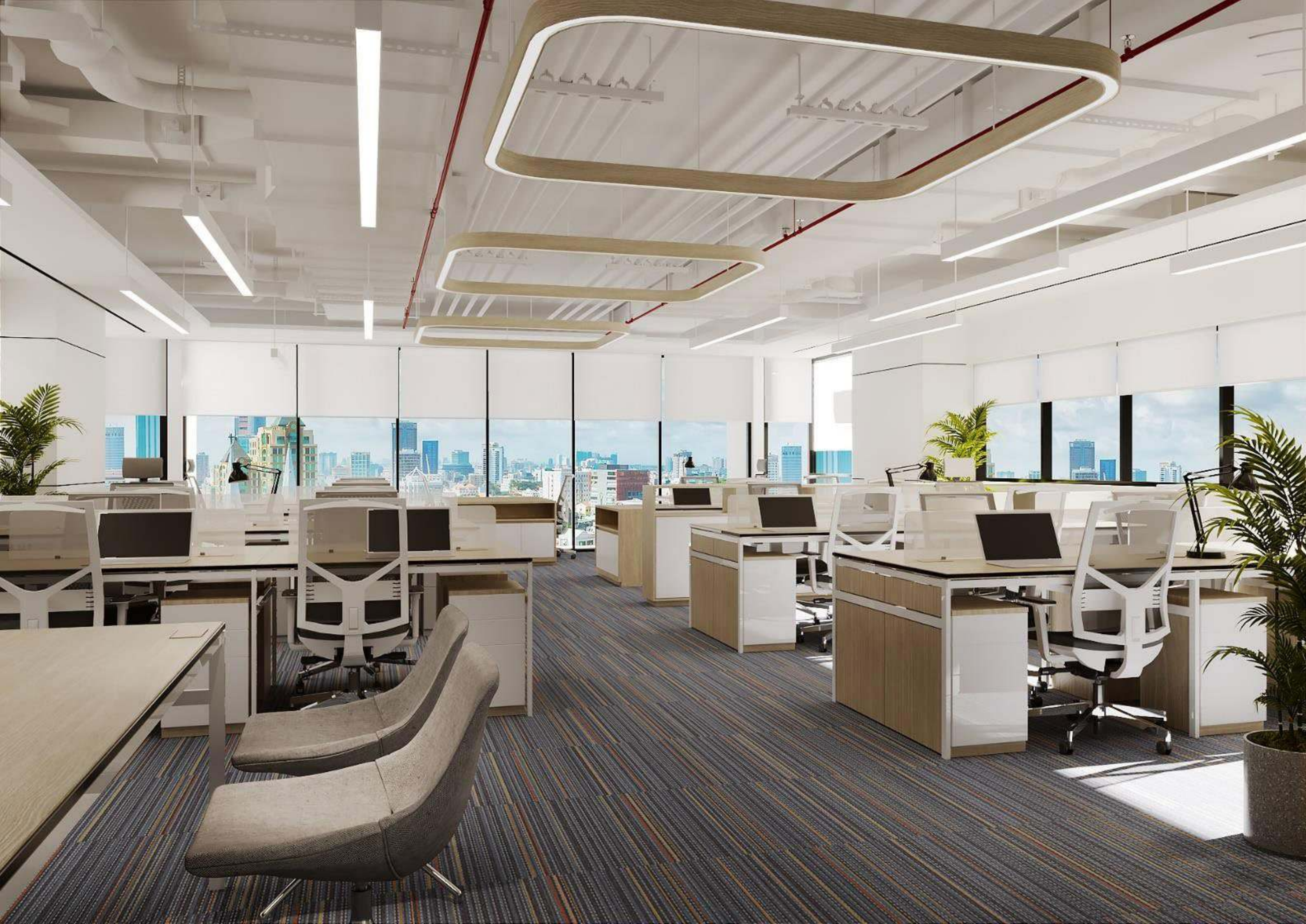
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

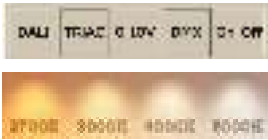
Dimension | Kích thước
L3000 x W50 x H70 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source | Công suất LED 60W
Lumen source | Quang thông LED 135Lm/W
Colour temperature | Nhiệt độ màu 2700/3000/4000K
CRI | Chỉ số hoàn màu >80
SDCM | Bước MacAdam ≤3
Beam angle | Góc chiếu Diffuse
Life Time | Tuổi thọ 50.000h
Voltage | Điện áp 24VDC (Remote driver)
Frequency Range | Tần số 50/60Hz
Protection Grade | Độ bảo vệ IP20







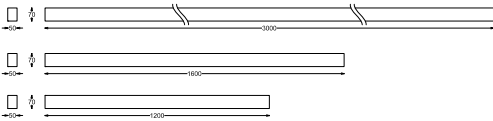
iL-PE20b

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L1500 x W50 x H70 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	30W
Lumen source Quang thông LED	135Lm/W
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



iL-PE20c

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

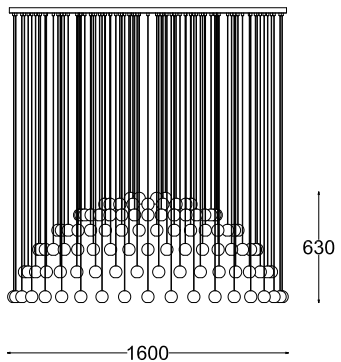
Dimension | Kích thước L1200 / L1600 / L3000 x W50 x H70 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	43W / 46W / 108W
Lumen source Quang thông LED	135Lm/W
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20







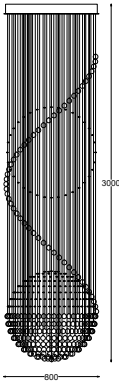
iL-CH02

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D800 x H3000 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6.5W x 10
Lumen source Quang thông LED	500Lm x 10
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	90
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	24°/36°
Life Time Tuổi thọ	40.000h
Voltage Điện áp	50/60Hz
Frequency Range Tần số	12VDC (Remote driver)
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



iL-CH01

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D1600 x H630 mm

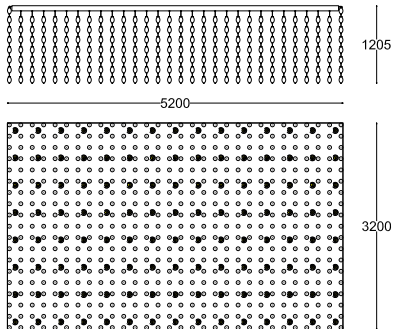
SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	1W x 196
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	30.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20









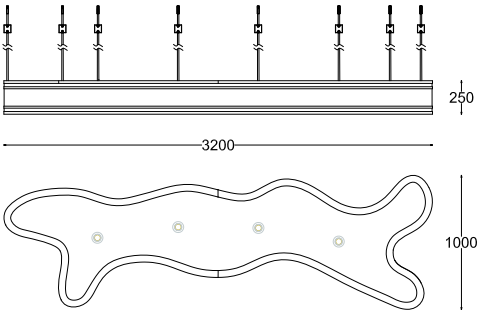
iL-CH03

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L5200 x W3200 x H1205 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6.5W x 116
Lumen source Quang thông LED	500Lm x 116
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	90
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	36°
Life Time Tuổi thọ	40.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



iL-CH05

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L3200 x W1000 x H250 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	5.5W x 4 & 54W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	10°/24°/36°/60°
Life Time Tuổi thọ	Diffuse
Voltage Điện áp	50/60Hz
Frequency Range Tần số	12 & 24VDC (Remote driver)
Protection Grade Độ bảo vệ	50/60Hz
	IP20



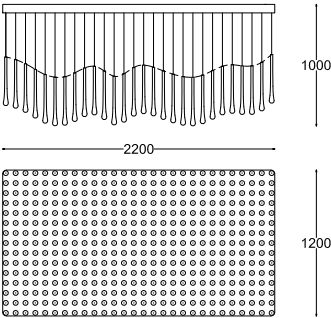
iL-CH04

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L2200 x W1200 x H1000 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6.5W x 18
Lumen source Quang thông LED	500Lm x 18
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	90
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	36°
Life Time Tuổi thọ	40.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



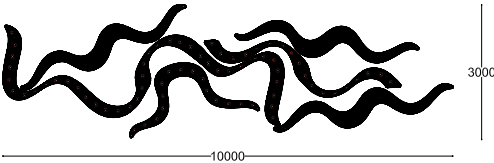
iL-CH06

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

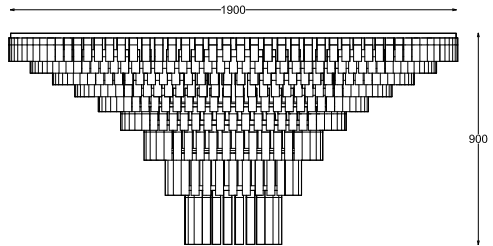
Dimension | Kích thước L10000 x W3000 x H1140 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6.5W x 120
Lumen source Quang thông LED	500Lm x 120
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	90
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	36°
Life Time Tuổi thọ	40.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20







iL-CH07

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D1900 x H900 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	1W x 574
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	30.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



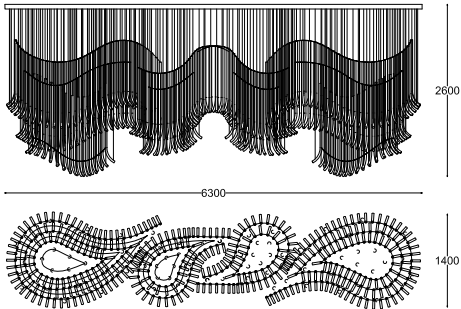
iL-CH08

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

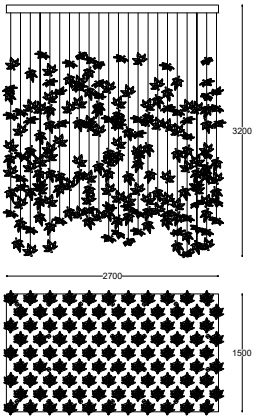
Dimension | Kích thước L6300 x W1400 x H2600 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6.5W x 78
Lumen source Quang thông LED	500Lm x 78
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	90
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	24°/36°
Life Time Tuổi thọ	40.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20







iL-CH09

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L2700 x W1500 x H3200 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6.5W x 28
Lumen source Quang thông LED	500Lm x 28
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	24°/36°
Life Time Tuổi thọ	40.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



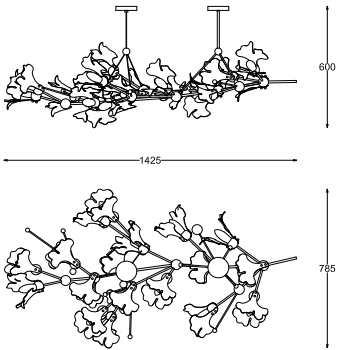
iL-CH10

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

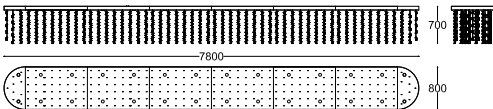
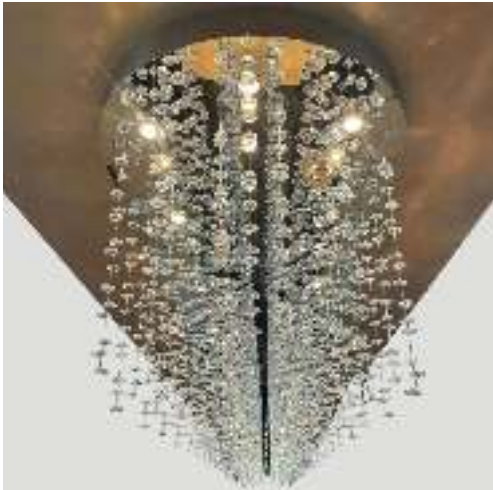
Dimension | Kích thước L1425 x W785 x H600 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3W x 13
Lumen source Quang thông LED	300Lm x 13
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	30.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20







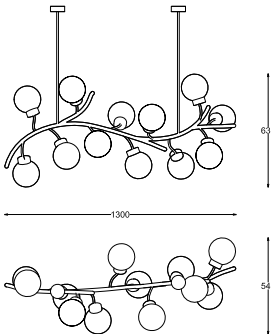
iL-CH11

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L7800 x W800 x H700 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6.5W x 30
Lumen source Quang thông LED	500Lm x 30
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	24°/36°
Life Time Tuổi thọ	40.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



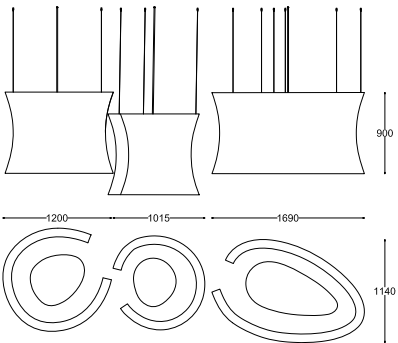
iL-CH12

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L1300 x W540 x H635 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W x 11
Lumen source Quang thông LED	470Lm x 11
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



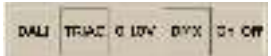
iL-CH13

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L1140 x W1200 x H900 mm
(W1015 / W1200 / W1690)

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source | Công suất LED 7W x 10
Lumen source | Quang thông LED 806Lm x 10
Colour temperature | Nhiệt độ màu 2700/3000K
CRI | Chỉ số hoàn màu >80
SDCM | Bước MacAdam -
Beam angle | Góc chiếu Diffuse
Life Time | Tuổi thọ 15.000h
Voltage | Điện áp 220VDC
Frequency Range | Tần số 50/60Hz
Protection Grade | Độ bảo vệ IP20



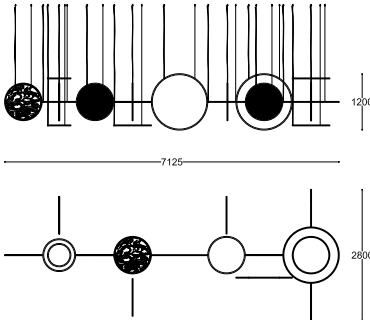
iL-CH14

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

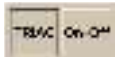
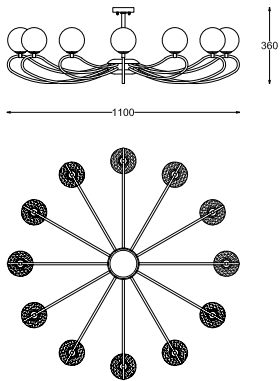
Dimension | Kích thước L7125 x W2800 x H1200 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source | Công suất LED 260W
Lumen source | Quang thông LED -
Colour temperature | Nhiệt độ màu 2700/3000K
CRI | Chỉ số hoàn màu >80
SDCM | Bước MacAdam ≤3
Beam angle | Góc chiếu Diffuse
Life Time | Tuổi thọ 50.000h
Voltage | Điện áp 24VDC (Remote driver)
Frequency Range | Tần số 50/60Hz
Protection Grade | Độ bảo vệ IP20







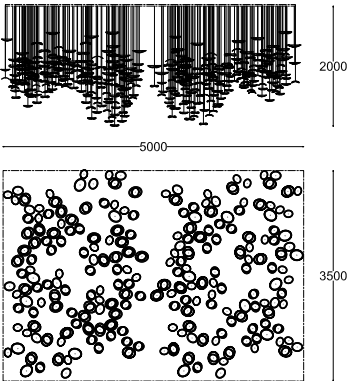
iL-CH15

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D1100 x H360 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3W x 12
Lumen source Quang thông LED	320Lm x 12
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



iL-CH16

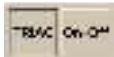
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L5000 x W3500 x H2000 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6.5W x 70
Lumen source Quang thông LED	500Lm x 70
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	24°/36°/60°
Life Time Tuổi thọ	40.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





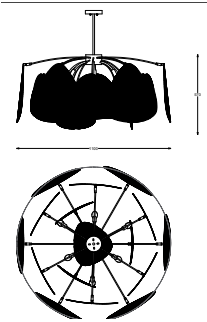
iL-CH17

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D1100 x H570 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W x 3
Lumen source Quang thông LED	470Lm x 3
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



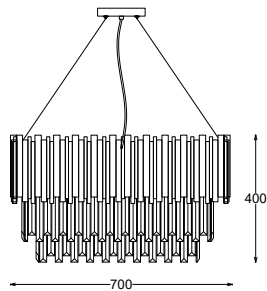
iL-CH18

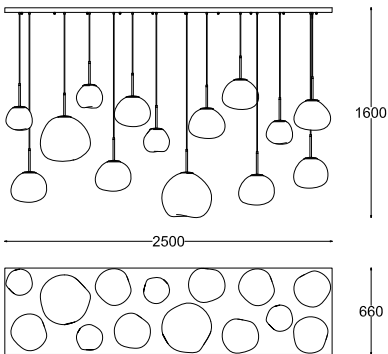
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D700 x H400 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W x 12
Lumen source Quang thông LED	470Lm x 12
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





iL-CH20

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D1000 x H665 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W x 6
Lumen source Quang thông LED	470Lm x 6
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20

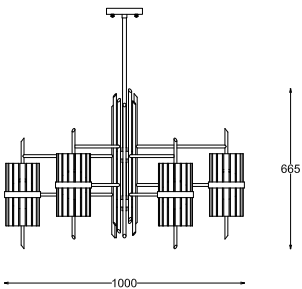
iL-CH19

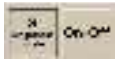
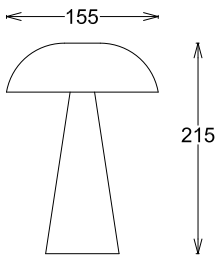
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L2500 x W660 x H1600 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W x 14
Lumen source Quang thông LED	470Lm x 14
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





iL-T01

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D155 x H215 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	Rechargeable battery
Frequency Range Tần số	-
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



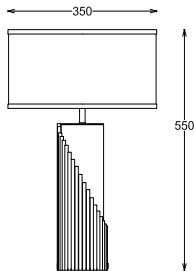
iL-T03

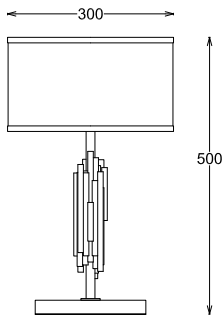
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L240 x W160 x H323 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W
Lumen source Quang thông LED	470Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





iL-T02

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D300 x H500 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W
Lumen source Quang thông LED	470Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



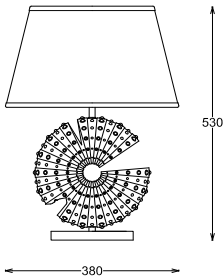
iL-T04

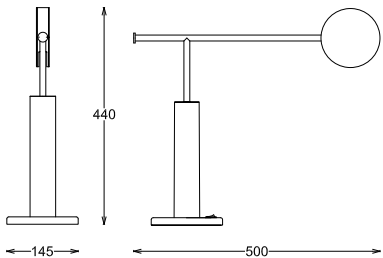
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D380 x H530 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	4W
Lumen source Quang thông LED	470Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





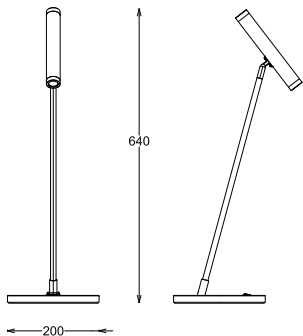
iL-T05

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L500 x W145 x H440 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	5W
Lumen source Quang thông LED	640Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



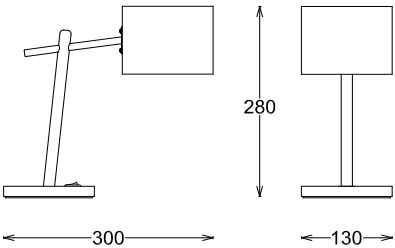
iL-T07

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L200 x H640 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3W
Lumen source Quang thông LED	300Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Wide
Life Time Tuổi thọ	30.000h
Voltage Điện áp	12VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



iL-T06

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L300 x W130 x H280 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3W
Lumen source Quang thông LED	320Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



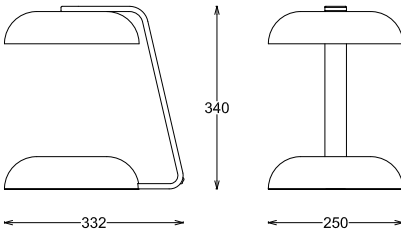
iL-T08

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L332 x W250 x H340 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3W x 2
Lumen source Quang thông LED	320Lm x 2
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





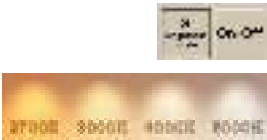
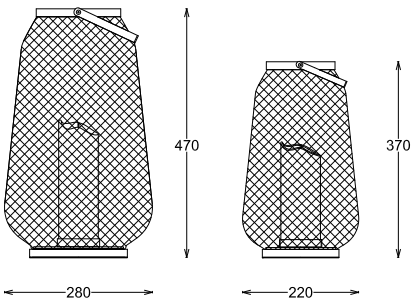
iL-L01

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	D280 x H470 mm
	D220 x H370 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	1W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	Rechargeable battery
Frequency Range Tần số	-
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



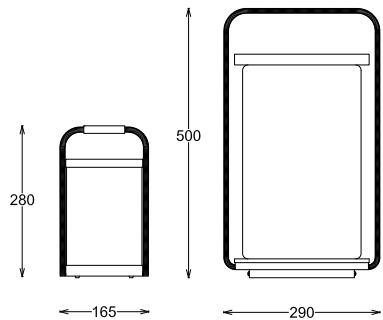
iL-L02

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

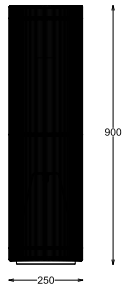
Dimension Kích thước	D165 x H280 mm
	D290 x H500 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	1W / 3.3W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	30.000h
Voltage Điện áp	Rechargeable battery
Frequency Range Tần số	-
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20







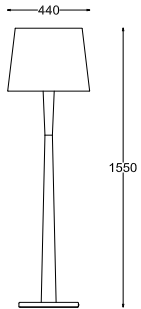
iL-F01

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D250 x H900 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	8W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



iL-F04

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D440 x H1550 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	8.5W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20

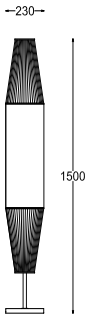
iL-F02

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D230 x H1500 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	8W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



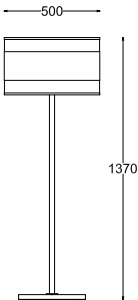
iL-F05

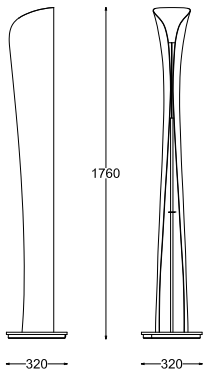
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D500 x H1370 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	8.5W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





iL-F06

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D320 x H1760 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6.5W x 2
Lumen source Quang thông LED	500Lm x 2
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	10°/24°/36°/60°
Life Time Tuổi thọ	40.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20

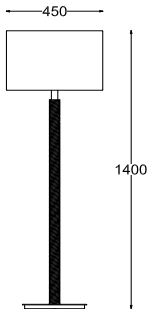
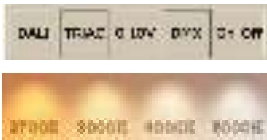
iL-F03

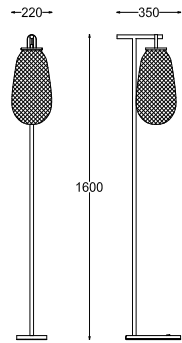
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D450 x H1400 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	20W
Lumen source Quang thông LED	756Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2200/2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





iL-F07

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L350 x W220 x H1600 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	8W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20

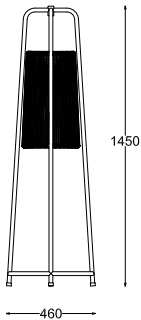
iL-F09

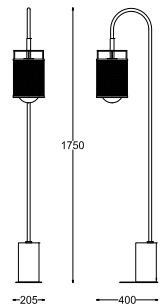
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D460 x H1450 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	8W
Lumen source Quang thông LED	800Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





iL-F08

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L400 x W205 x H1750 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	8.5W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20



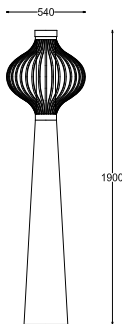
iL-F10

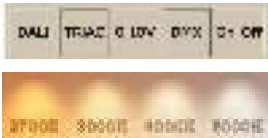
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D540 x H1900 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	8.5W
Lumen source Quang thông LED	806Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	15.000h
Voltage Điện áp	220VDC
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP20





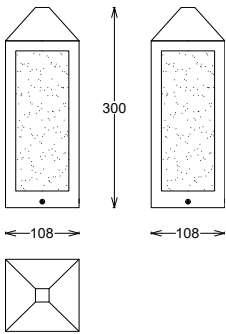
iL-B01

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L108 x W108 x H300 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	30.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



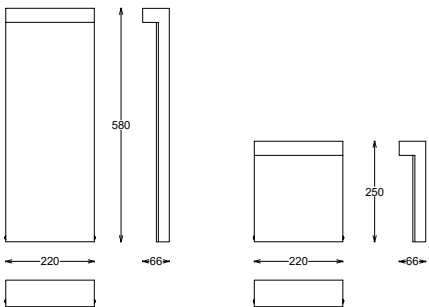
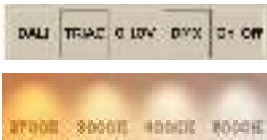
iL-B02

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

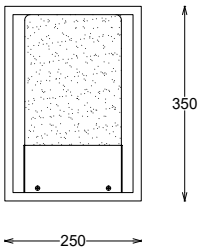
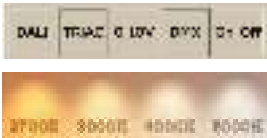
Dimension | Kích thước L220 x W66 x H580 mm
L220 x W66 x H250 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	8W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65







iL-B03

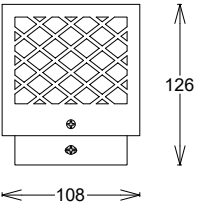
PRODUCT INFORMATION THÔNG TIN SẢN PHẨM	
Dimension Kích thước	L250 x W250 x H350 mm

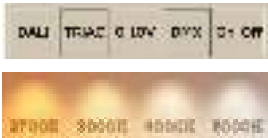
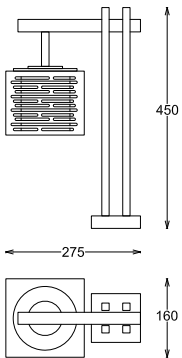
SPECIFICATION THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Watt source Công suất LED	10W
Lumen source Quang thông LED	750Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	30.000h
Voltage Điện áp	300mA (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65

iL-B04

PRODUCT INFORMATION THÔNG TIN SẢN PHẨM	
Dimension Kích thước	L108 x W108 x H126 mm

SPECIFICATION THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	30.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65





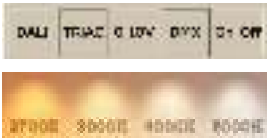
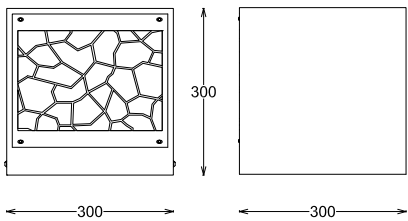
iL-B05

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L275 x W160 x H450 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	6W
Lumen source Quang thông LED	810Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



iL-B07

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L300 x W300 x H300 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	5W
Lumen source Quang thông LED	440Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	32°
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP68

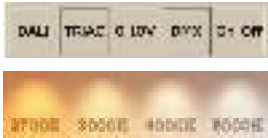
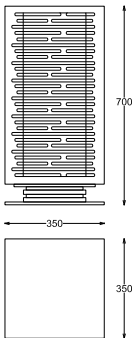
iL-B06

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L350 x W350 x H700 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	14W
Lumen source Quang thông LED	1890Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



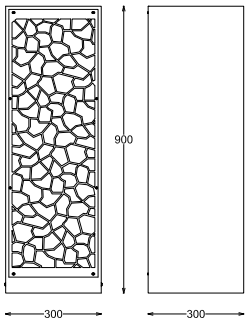
iL-B08

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

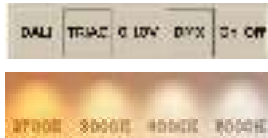
Dimension | Kích thước L300 x W300 x H900 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	744Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	32°
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP68







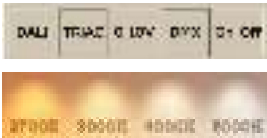
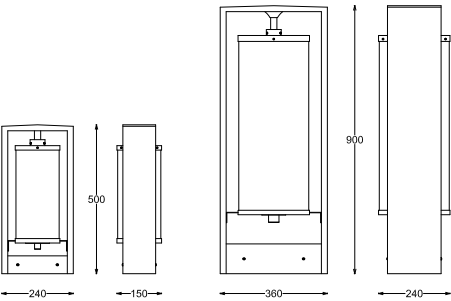
iL-B09

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	L240 x W150 x H500 mm L360 x W240 x H900 mm
------------------------	--

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	8W / 13W
Lumen source Quang thông LED	1104Lm / 1794Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



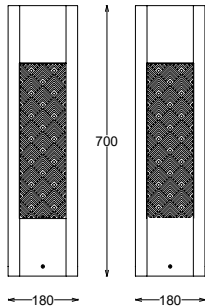
iL-B11

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	L180 x W180 x H700 mm
------------------------	-----------------------

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	5.4W
Lumen source Quang thông LED	750Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	36°/50°
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	36VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP66



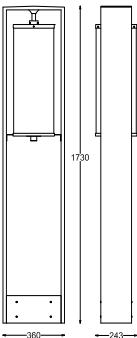
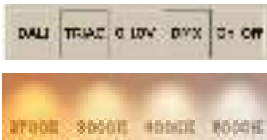
iL-B10

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	L360 x W240 x H1730 mm
------------------------	------------------------

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	13W
Lumen source Quang thông LED	1794Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	≤3
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



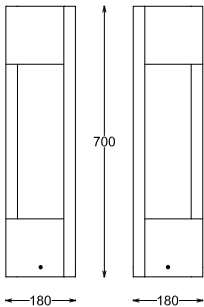
iL-B13

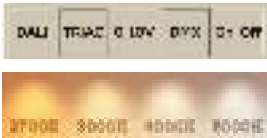
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension Kích thước	L180 x W180 x H700 mm
------------------------	-----------------------

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	5.4W
Lumen source Quang thông LED	750Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	36°/50°
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	36VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP66





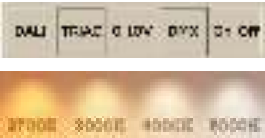
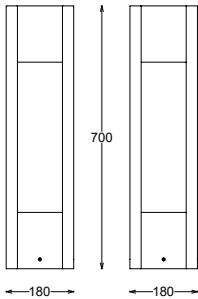
iL-B12

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thướcL180 x W180 x H700 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	5.4W
Lumen source Quang thông LED	750Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	36°/50°
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	36VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP66



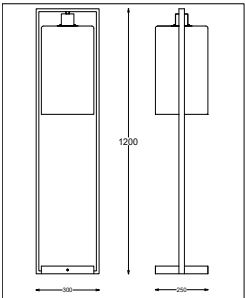
iL-B14

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

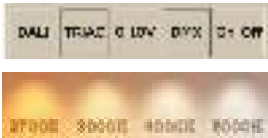
Dimension | Kích thướcL300 x W250 x H1200 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	10W
Lumen source Quang thông LED	1200Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	30.000h
Voltage Điện áp	300mA (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65







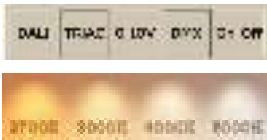
iL-B15

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D250 x H1300 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	7W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



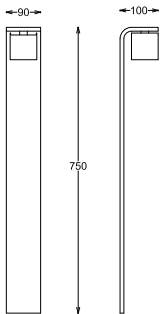
iL-B16

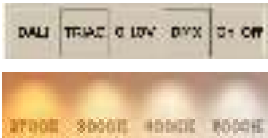
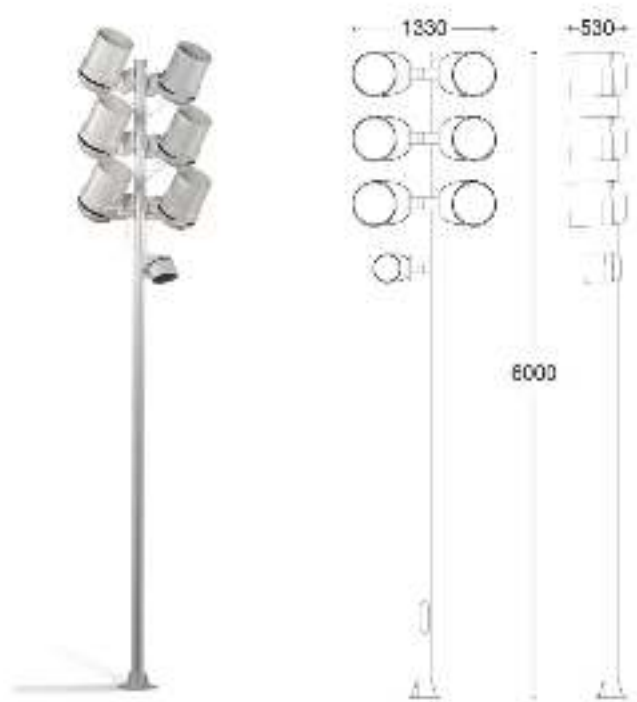
PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L100 x W90 x H750 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	3.3W
Lumen source Quang thông LED	480-512Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	300mA (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65





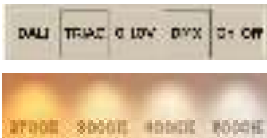
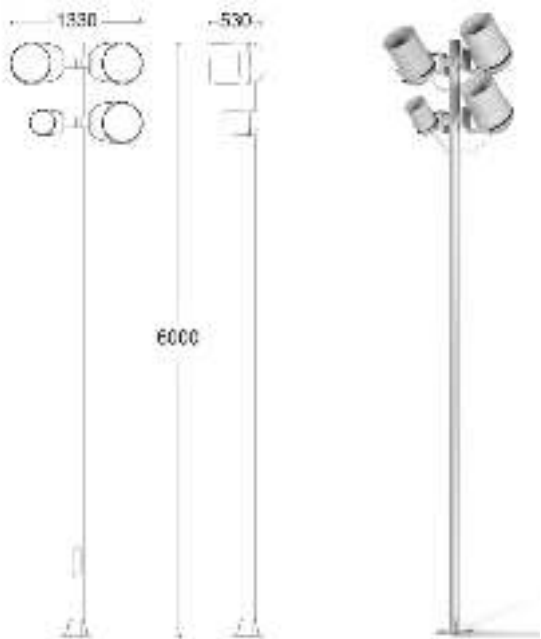
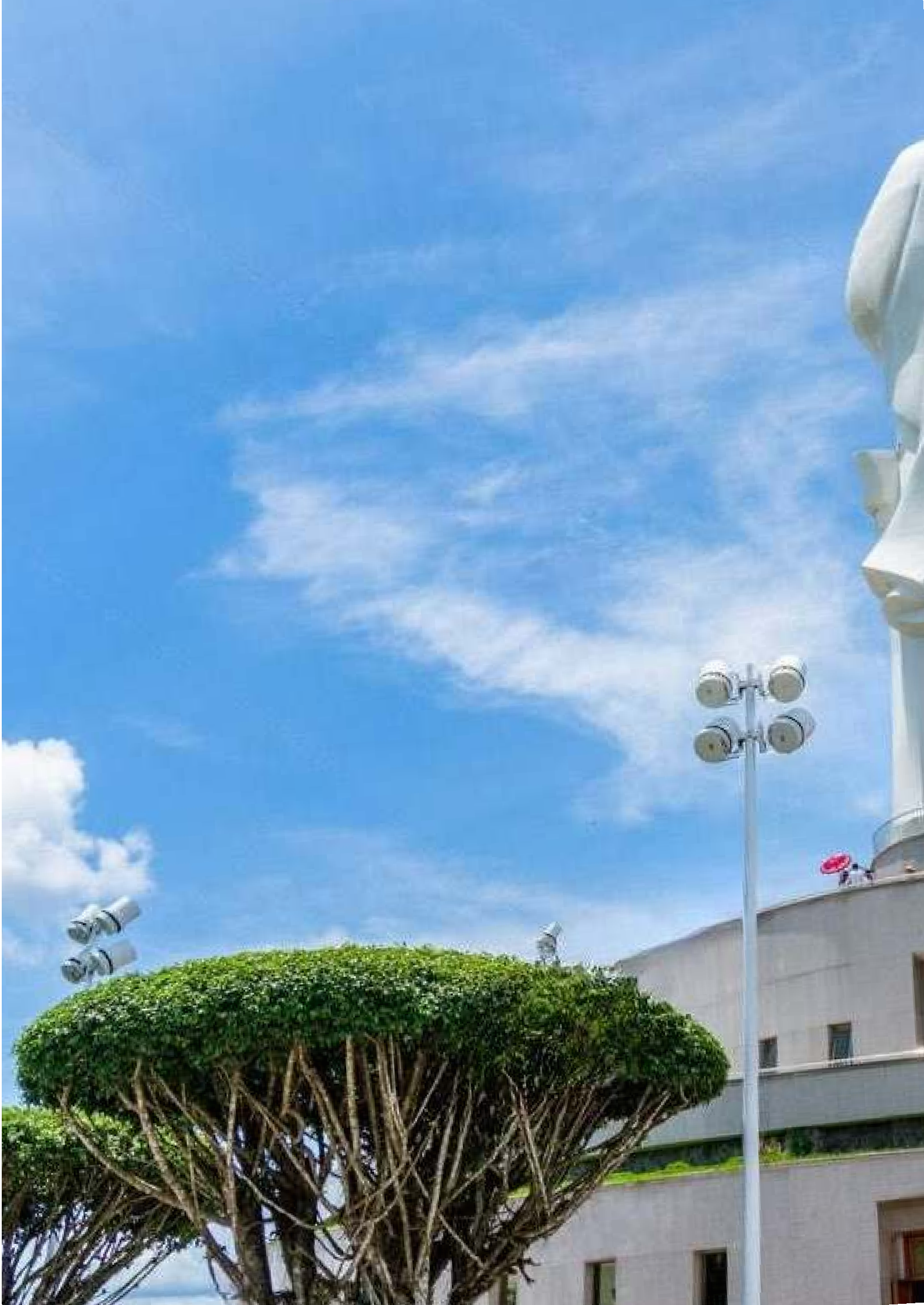
iL-P02a

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L1330 x W530 x H6000 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt system Công suất hệ thống	90W x 6 & 36W
Lumen source Quang thông LED	4050Lm x 6 & 1620Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	RGBW
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	5
Beam angle Góc chiếu	10°/15°/30°/60°
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP66



iL-W06

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L1330 x W530 x H6000 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	90W x 3 & 36W
Lumen source Quang thông LED	4050Lm x 3 & 1620Lm
Colour temperature Nhiệt độ màu	RGBW
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	5
Beam angle Góc chiếu	10°/15°/30°/60°
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP66







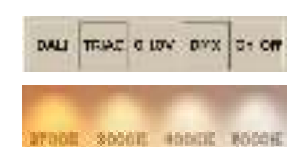
iL-PO1

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L1085 x W400 x H5000 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	35W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



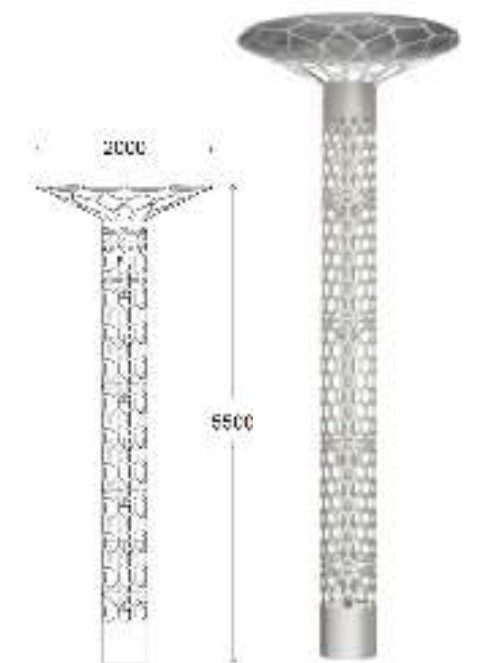
iL-PO4

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước D2000 x H5500 mm

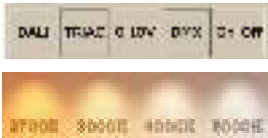
SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	108W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	RGBW
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Wide
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65









iL-P03a

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L2025 x W570 x H8820 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	60W x 2
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65



iL-P03b

PRODUCT INFORMATION | THÔNG TIN SẢN PHẨM

Dimension | Kích thước L1455 x W570 x H8820 mm

SPECIFICATION | THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Watt source Công suất LED	60W
Lumen source Quang thông LED	-
Colour temperature Nhiệt độ màu	2700/3000/4000K
CRI Chỉ số hoàn màu	>80
SDCM Bước MacAdam	-
Beam angle Góc chiếu	Diffuse
Life Time Tuổi thọ	50.000h
Voltage Điện áp	24VDC (Remote driver)
Frequency Range Tần số	50/60Hz
Protection Grade Độ bảo vệ	IP65

